

Bản án số: 88/2019/DS-PT.

Ngày 13/8/2019

V/v: “*Tranh chấp chia di sản
thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hà;

Ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Mai- Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đỗ Đức Sơn– Kiểm sát viên.

Ngày 12 và ngày 13/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2019/TLPT- DS ngày 28/3/2019 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số/2019/QĐ-PT ngày 30/5/2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn Ngh, sinh năm 1961, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Xuân L, xã Hương M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngh1, sinh năm 1959, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Xuân L, xã Hương M, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Bà Trần Thị Th, sinh năm 1965, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Xuân L, xã Hương M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2- Bà Trần Thị Th1 (tên gọi khác Trần Thị Q), sinh năm 1968, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Làng H, xã Lam V, huyện Định H, tỉnh Thái Nguyên.

3- Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1970, có mặt.

HKTT: Phòng 303, tập thể Thanh tra Nhà nước, số 218C Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Công ty Đại Dương X, số 1A, ngõ B đường Hoàng Quốc V, phường Nghĩa Đ, quận C, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S: Luật sư Dương Minh K thuộc Văn phòng Luật sư Dương Minh Nh, đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang.

4-Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang do bà Nguyễn Thị L- Phó phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện V đại diện theo ủy quyền, (văn bản ủy quyền ngày 30/10/2018), có đơn xin xét xử vắng mặt;

* Do có kháng cáo của ông Ngh, bà Ngh1, bà Th, ông S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là ông Trần Văn Ngh đã trình bày: Bố mẹ ông là cụ Trần Văn Kh và cụ Ngô Thị D sinh được 06 người con gồm: Ông là Trần Văn Ngh, bà Trần Thị Ngh1, bà Trần Thị Th, ông Trần Văn Tru(đã chết, không có vợ con), bà Trần Thị Th1 (có tên gọi khác là Q) và ông Trần Văn S. Ông S đi công tác ở Hà Nội, bà Th1 đi lấy chồng ở xa. Năm 2002 cụ Kh chết. Năm 2007 cụ D chết. Cụ Kh và cụ D chết không để lại di chúc, tài sản của cụ Kh và cụ D để lại là thửa đất có diện tích 657m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ cụ Trần Văn Kh tại Thôn Xuân L, xã Hương M, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Trên đất có ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ do cụ Kh và cụ D xây dựng lúc các cụ còn sống. Sau khi cụ D chết, ông là người đứng ra thờ cúng bố mẹ tại nhà riêng của ông. Bà Ngh1 và bà Th sinh sống trên thửa đất 657m² của bố mẹ để lại. Năm 2016, bà Ngh1 đã tự ý phá nhà cũ của bố mẹ và đã làm ngôi nhà tầng, bà Ngh1 đã chiếm hữu và sử dụng toàn bộ phần đất trên. Nay, ông đề nghị chia thừa kế di sản của bố mẹ ông để lại là thửa đất có diện tích 657m². Ông xin được hưởng 1/5 diện tích đất ở phía trước tại vị trí giáp nhà ông Tiên vì lý do ông là con trưởng trong gia đình.

Bị đơn là Trần Thị Ngh1 đã trình bày: Bà là chị gái của ông Trần Văn Ngh và là con gái của cụ Kh và cụ D. Bố mẹ bà sinh được 06 người con, bà là cả. Do 1 người đã chết nên hiện nay chỉ còn 05 anh chị em như ông Ngh đã trình bày là đúng. Bà và bà Th và bà sống cùng bố mẹ còn ông Ngh lấy vợ ở riêng, bà Th1 và

ông S đi làm ăn xa. Sau khi bố mẹ chết bà và bà Th vẫn sống trên thửa đất của bố mẹ để lại. Trước khi chết bố mẹ bà đã nói là sau này sẽ cho bà Th và ông S thửa đất này vì bà và ông Ngh đã được bố mẹ cho mỗi người 01 mảnh đất khác. Do nhà cũ của bố mẹ dột nát, bà, bà Th và ông S đã phá nhà cũ, xây dựng nhà mới và xây lại công trình phụ. Nay ông Ngh khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất của bố mẹ để lại thì bà không đồng ý. Bà đề nghị Tòa án chia thửa đất này cho ông S và bà Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Th đã trình bày: Bà là em gái của ông Ngh và bà Ngh1. Bà đồng ý với lời trình bày của ông Ngh, bà Ngh1 về di sản thừa kế của bố mẹ và những người trong hàng thừa kế. Bà đã không đi lấy chồng mà ở nhà chăm sóc bố mẹ thay cho các anh chị em. Bà và bà Ngh1 là người chăm sóc bố mẹ trước khi bố mẹ chết. Sau khi bố mẹ chết thì bà vẫn cùng bà Ngh1 vẫn sống trên thửa đất này. Ông Ngh, ông S không ở chung cùng bố mẹ. Khi cụ Kh chết thì các chị em trong gia đình vẫn thờ cúng cụ Kh tại thửa đất này. Khi cụ D ốm nặng, các chị em đã đưa cụ D đến nhà ông Ngh ở được vài hôm thì cụ D chết. Từ khi cải táng cho cụ D đến nay thì ông Ngh vẫn thờ cúng bố mẹ tại nhà ông Ngh. Còn bà Ngh1, bà, ông S và bà Th1 đã cùng giỗ bố mẹ tại thửa đất này. Năm 2016, do nhà cũ đã sập sệ, ông S đã xây một căn nhà hai tầng trên đất và xây dựng lại công trình phụ. Khi bố mẹ bà còn sống đã tuyên bố bằng miệng là sau này sẽ cho bà và ông S thửa đất này vì ông Ngh và bà Ngh1 đã được bố mẹ cho đất rồi. Nay, ông Ngh khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thì bà không đồng ý. Nếu Tòa án chia di sản thừa kế thì bà đồng ý giao phần tài sản mà bà được hưởng cho ông S.

Bà Trần Thị Th1 (tên gọi khác là Trần Thị Q) đã trình bày: Bà là em gái của ông Ngh, bà Ngh1, bà Th và là chị của ông S. Tên do bố mẹ đặt là Trần Thị Th1 nhưng sau này đi miền Nam làm ăn bà có đổi tên là Trần Thị Q. Hiện nay toàn bộ hồ sơ giấy tờ đều mang tên Trần Thị Q. Bà đồng ý với ý kiến của bà Ngh1, bà Th và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ngh. Nếu Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ bà thì bà đồng ý giao phần mà tài sản bà được hưởng cho ông S và bà Th.

Ông Trần Văn S đã trình bày: Ông là con út của cụ Kh và cụ D. Khi bố mẹ ông còn sống đã cho ông Ngh và bà Ngh1 mỗi người một miếng đất ra ở riêng. Còn bà Th, ông, bà Th1 sống cùng bố mẹ tại thửa đất này. Sau đó ông và bà Th1 đi làm ăn xa, chỉ còn bà Th sống cùng bố mẹ và là người trực tiếp chăm sóc bố mẹ. Khi cụ Kh và cụ D chết không để lại di chúc mà trước đó chỉ dặn dò bằng miệng là sau này sẽ ông và bà Th thửa đất này. Do anh em bất hòa nên ông Ngh thờ cúng bố mẹ ông tại nhà ông Ngh. Ông và các chị em khác đã cúng giỗ bố mẹ, tổ tiên tại

thửa đất này. Năm 2016, ông đã xây trên một ngôi nhà hai tầng trên đất để thờ cúng bố mẹ. Nay ông Ngh yêu cầu chia di sản thừa kế là phần đất này thì ông không đồng ý.

Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang đã có quan điểm: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 192 tờ bản đồ số 09, diện tích 657,0m² cho hộ ông Trần Văn Kh (vợ là Ngô Thị D) tại Thôn Xuân L, xã Hương M, huyện V, tỉnh Bắc Giang thực hiện đầy đủ theo quy định.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 12/12/2018, ông S đồng ý chia cho ông Ngh một phần đất trống đất không liên quan tới các công trình trên đất. Bà Ngh1, bà Th, bà Th1 đề nghị giao quyền sở hữu di sản thừa kế mà các bà được hưởng cho ông S quản lý, sử dụng.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện V đã áp dụng Điều 5; khoản 5 Điều 26; Điều 147; Điều 165; Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 674, Điều 675, Điều 676 BLDS năm 2005 Bộ luật dân sự năm 2005 Điều 167 và Điều 179 Luật đất đai; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Văn Ngh.
 - Chia cho ông Trần Văn Ngh diện tích đất 120m² (bao gồm 72m² đất thổ cư và 48m² đất vườn) tại Thôn Xuân L, xã Hương M, huyện V, tỉnh Bắc Giang có giá trị 37.920.000 đồng (là hình tứ giác ABCD theo sơ đồ kèm theo bản án).
 - Chia cho ông Trần Văn S diện tích đất 517,2m² (bao gồm 288m² đất thổ cư và 229,2m² đất vườn) tại Thôn Xuân L, xã Hương M, huyện V, tỉnh Bắc Giang có giá trị 153.168.000 đồng (là hình tứ giác CDEF theo sơ đồ kèm theo bản án).

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Ngh về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà và công trình phụ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Ngày 17/01/2019, ông Trần Văn Ngh nộp đơn kháng cáo;

Ngày 21/01/2019, bà Trần Thị Ngh1, bà Trần Thị Th và ông Trần Văn S nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngh do anh Trần Văn T đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà Ngh1 và bà Th1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Ông Ngh do anh Trần Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày: Về các tài sản trên là ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất của cụ Kh và cụ D mà bà Ngh1 đã phá để xây ngôi nhà tầng thì ông Ngh không đề nghị Tòa án phân chia. Phần đất có diện tích 657m² nay đo thực tế có diện tích 637,2m² thì ông Ngh đề nghị chia làm 5 phần. Như vậy, ông Ngh được hưởng phần diện tích đất là 127m², nhưng bản án sơ thẩm lại phân chia cho ông Ngh được 120m² là không đảm bảo quyền lợi cho ông Ngh.

+ Ông S trình bày: Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận QSDĐ hộ gia đình cụ Kh có 08 người gồm: Cụ Kh, cụ D, bà Nghi, bà Th, bà Th1, ông S và 02 người con bà Ngh1 là cháu Trang và cháu Dũng. Như vậy, di sản của cả cụ Kh và cụ D chỉ là ¼ diện tích đất tương ứng với 164,25m² đất. Như vậy ông Ngh chỉ được hưởng 1/5 phần diện tích đất trên là 32,85m². Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia cho ông Ngh 120m² là không đúng.

+Tại đơn kháng cáo của bà Ngh1, bà Th đều trình bày: Bản án sơ thẩm đã không xem xét đến nguồn gốc của thửa đất, không thu thập việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, không áp dụng đúng các quy định của pháp luật về thừa kế, vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng dân sự và ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

+ Luật sư K bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị hủy bản án sơ thẩm đã xử vì Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cụ thể như sau:

-Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn không đúng: Ông S, bà Th cùng bà Ngh1 là người quản lý di sản phải là đồng bị đơn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định ông S, bà Th là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không chính xác.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt người tham gia tố tụng: Tại Đơn đề nghị của các đương sự được xác nhận của Công an xã Hương M có nội dung: Tại thời điểm UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên “hộ cụ Trần Văn Kh” năm 1999, thì hộ gia đình cụ Kh gồm có 08 thành gồm có: Cụ Trần Văn Kh, cụ Ngô Thị D, bà Trần Thị Ngh1, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị Th1, ông Trần Văn S và 02 con của bà Ngh1 là chị Hà Thị Huyền Tr, anh Hà Văn D1. Tại thời điểm ông Ngh có đơn khởi kiện vụ án thì anh D1 và vợ anh D1 là chị H vẫn đang ở và sinh sống trên phần đất này. Quá trình sử dụng đất thì vợ chồng anh D1 cùng với bà Ngh1, bà Th, ông S có công sức đóng góp làm tăng giá trị quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác minh làm rõ những thành viên trong hộ gia đình cụ Kh có chung quyền sử dụng diện tích 657m² đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận QSDĐ năm 1999 và không đưa các con của bà Ngh1 là chị Tr, anh D1 và chị H vào tham gia tố tụng với

tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm Điều 3 Mục III của Công văn số: 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp thắc mắc về nghiệp vụ.

- Hội đồng xét xử đã tiến hành Nghị án trước khi tiến hành xét xử vụ án: Theo nội dung ghi tại Biên bản nghị án ngày 04/01/2019 thì Hội đồng xét xử tiến hành nghị án từ 08 giờ và kết thúc lúc 08 giờ 15 phút ngày 04/01/2019, (BL147); Theo nội dung ghi tại Biên bản phiên tòa ngày 04/01/2019 thì Hội đồng xét xử bắt đầu làm việc từ 09 giờ 00 phút và kết thúc lúc 10 giờ. (BL153). Việc Hội đồng xét xử tiến hành Nghị án trước khi tiến hành xét xử vụ án là vi phạm nghiêm trọng Khoản 1 Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tòa án cấp sơ thẩm “Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Ngh về việc chia di sản thừa kế là nhà và công trình phụ” là không đúng ý chí của ông Ngh vì các căn cứ sau:

Tại phiên tòa ngày 12/12/2018 (BL 156, trang 2) ông Ngh trình bày “Tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong đơn khởi kiện đã nêu. Tôi yêu cầu bà Trần Thị Ngh1 là gười đang quản lý di sản thừa kế trả lại cho tôi phần diện tích đất thừa kế mà tôi được hưởng theo qui định của pháp luật”;

Tại phiên tòa ngày 27/12/2018, (BL 153) ông Ngh đã trình bày: “Tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị được chia 1/5 diện tích đất thổ cư là di sản của bố mẹ tôi để lại”;

Tại phiên tòa ngày 04/01/2019, (BL 153) ông Ngh không trình bày về nội dung yêu cầu khởi kiện.

Như vậy, không có việc “ông Ngh xin tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà ở và công trình phụ trên đất” như bản án đã nhận định, (BL 159, 161). Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã có Quyết định chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngh đối với tài sản trên đất của ông Ngh là không đúng qui định của pháp luật.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản là QSDĐ của cụ Kh và cụ D nhưng lại không yêu cầu đương sự hoặc Cơ quan có thẩm quyền về việc phải cung cấp hoặc giao nộp cho tòa án bản sao Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên cụ Kh để xác định phần đất này hiện nay không bị đem dùng làm tài sản đảm bảo cho 1 giao dịch dân sự khác như thế chấp, cầm cố tài sản....

-Ngày 27/12/2018, UBND huyện V mới có văn bản ủy quyền cho bà L là Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V tham gia tố tụng, (BL137), nhưng trước đó vào ngày 12/12/2018 thì bà L đã có Đơn xin xét xử vắng mặt, (BL 142).

Như vậy, việc bà L có đơn xin xét xử vắng mặt khi chưa được UBND huyện V bản ủy quyền tham gia tố tụng là không đúng.

- Tại Biên bản hòa giải ngày 12/5/2016 của UBND xã Hương M (BL 09, 10), cán bộ địa chính xã Hương M đã xác định rõ với nội dung: “Nguồn gốc thửa đất của ông Trần Văn Kh và bà Ngô Thị D được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSDĐ ổn định có thu tiền sử dụng đất và được cấp năm 1999”. Như vậy, việc tòa án cấp sơ thẩm nhận định “diện tích 657m² đất có tranh chấp có nguồn gốc là đất thừa kế của cha ông để lại cho cụ Kh” là chưa có căn cứ pháp lý.

- Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định phần đất tranh chấp nhưng lại có Sơ đồ đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào sơ đồ đất tranh chấp này để làm căn cứ giải quyết vụ án là không đúng.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự: Huỷ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Cụ Trần Văn Kh và Ngô Thị D sinh được 06 người con gồm ông Trần Văn Ngh, bà Trần Thị Ngh1, bà Trần Thị Th, ông Trần Văn Tr (đã chết không có vợ con), bà Trần Thị Th1 (tên gọi khác là Q và ông Trần Văn S. Năm 2002 cụ Kh chết. Năm 2007 cụ D chết. Cụ Kh và cụ D chết đều không để lại di chúc.

Theo ông Ngh là nguyên đơn đã trình bày thì di sản của cụ Kh và cụ D để lại là phần đất có diện tích là 657 m² tại Thôn Xuân L, xã Hương M, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Trần Văn Kh năm 1999. Hiện nay bà Ngh1 và bà Th đang quản lý sử dụng. Ông Ngh khởi kiện đề nghị được hưởng di sản của cụ Kh và cụ D tương ứng với 1/5 diện tích đất nói trên.

Bà Nghĩa, bà Th, bà Th1 và ông S không đồng ý chia di sản thừa kế cho ông Ngh. Bà Nghĩa, bà Th, bà Th1 đều đồng ý cho ông S được hưởng phần di sản của mình.

Bản án sơ thẩm đã phân chia cho ông Ngh 120m² đất; ông S được phân chia 517,2m² đất còn lại.

Sau khi xét xử, ông Ngh, bà Ngh1, bà Th, ông S đều kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xử.

Ông Ngh đề nghị được hưởng 127m² đất. Bà Ngh1 và bà Th đều có đơn trình bày về việc bản án sơ thẩm giải quyết phân chia di sản không đúng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông S chỉ đồng ý phân chia cho ông Ngh 32,85m².

Luật sư Dương Minh K bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S đề nghị hủy bản án sơ thẩm đã xử.

Xét kháng cáo của ông Ngh, bà Ngh1, bà Th, ông S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về việc Luật sư K bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng không đúng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định khoản 3 Điều 68 BLTTDS thì bị đơn là người bị khởi kiện. Ông Ngh khởi kiện bà Ngh1 nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Ngh1 là bị đơn còn ông S, bà Th là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 BLTTDS.

[2] Về việc Luật sư K cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa các con của bà Ngh1 là chị Tr, anh D1, chị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo báo cáo của Công an xã Hương M ngày 26/6/2019 và Sổ hộ khẩu của hộ cụ Ngô Thị D do bà Ngh1 xuất trình đã thể hiện: Tại thời điểm UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên “hộ cụ Trần Văn Kh” năm 1999, thì hộ gia đình cụ Kh gồm có 08 thành viên gồm có: Cụ Trần Văn Kh, cụ Ngô Thị D, bà Trần Thị Ngh1, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị Th1, ông Trần Văn S và 02 con của bà Ngh1 là chị Hà Thị Huyền Tr, anh Hà Văn D1.

Tại thời điểm ông Ngh có đơn khởi kiện vụ án thì vợ chồng anh D1, chị Tống Thị Ngọc H vẫn đang ở và sinh sống trên phần đất này.

Nay, chị Tr, anh D1 đều có đơn trình bày: Quá trình sử dụng đất thì chị Tr và anh D1 có công sức đóng góp tôn tạo đất làm tăng giá trị quyền sử dụng đất, có quyền sử dụng đất cùng cụ Kh, cụ D và các con của cụ Kh. Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác minh làm rõ những thành viên trong hộ gia đình cụ Kh tại thời điểm cụ Kh được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ gồm có những ai ? Từ khi cụ Kh và cụ D

chết đến nay ai là người quản lý di sản ? Những người này có yêu cầu công sức quản lý di sản hay không ? Nếu sau khi xác minh làm rõ những vấn đề trên mà các thành viên trong hộ gia đình cụ D lúc đó cũng như chị H (vợ anh D1) có yêu cầu độc lập thì phải đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã không thu thập chứng cứ về những vấn đề này là thiếu sót.

[3] Về việc Luật sư K cho rằng khi giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm: Hội đồng xét xử đã tiến hành Nghị án trước khi tiến hành xét xử vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo nội dung ghi tại Biên bản nghị án ngày 04/01/2019 thì Hội đồng xét xử tiến hành nghị án từ 08 giờ và kết thúc lúc 08 giờ 15 phút ngày 04/01/2019, (BL147); Theo nội dung ghi tại Biên bản phiên tòa ngày 04/01/2019 thì Hội đồng xét xử bắt đầu làm việc từ 09 giờ 00 phút và kết thúc lúc 10 giờ. (BL153).

Việc tiến hành xét xử và nghị án là mâu thuẫn về thời gian. Tuy nhiên trước khi xét xử phúc thẩm bà Nguyễn Thị Minh Ng là thư ký phiên tòa và Thẩm phán Nguyễn Văn H1 đã có bản giải trình về việc có sai sót về giờ tiến hành tố tụng là do lỗi đánh máy. Điều này hoàn toàn phù hợp với nội dung Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Bài phát biểu của Kiểm sát viên huyện V, (BL 144-146). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm về nội dung trên.

[4] Về việc Luật sư K cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm “Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Ngh về việc chia di sản thừa kế là nhà và công trình phụ” là không đúng ý chí của ông Ngh, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, tại đơn khởi kiện ban đầu ông Ngh đề nghị chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là QSDĐ và các tài sản trên đất. Tại phiên tòa ngày ngày 27/12/2018, (BL 153) ông Ngh đã trình bày: “Tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị được chia 1/5 diện tích đất thổ cư là di sản của bố mẹ tôi để lại” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng không hỏi rõ về yêu cầu khởi kiện của ông Ngh đối với các tài sản trên đất và đã cho rằng ông Ngh đã rút yêu cầu khởi kiện về nội dung này là không đúng. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp phúc thẩm thì ông Ngh cũng không đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản là các tài sản trên đất. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm về vấn đề trên.

[4] Về việc Luật sư K cho rằng bà L là Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V có đơn xin xét xử vắng mặt khi chưa được UBND huyện V bản ủy quyền tham gia tố tụng là không đúng, Hội đồng xét xử xét thấy:

-Ngày 27/12/2018, UBND huyện V mới có văn bản ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng, (BL137), nhưng trước đó vào ngày 12/12/2018 thì bà L đã có Đơn xin xét xử vắng mặt, (BL 142). Như vậy, việc bà L có đơn xin xét xử vắng mặt khi chưa được UBND huyện V bản ủy quyền tham gia tố tụng là không đúng. Như vậy, việc vắng mặt của UBND huyện V tại phiên tòa là không có lý do chính đáng.

[5] Về việc Luật sư Kiên cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã không thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử xét thấy:

-Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản là QSDĐ của cụ Kh và cụ D nhưng lại không yêu cầu đương sự hoặc Cơ quan có thẩm quyền về việc phải cung cấp hoặc giao nộp cho tòa án bản sao Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên cụ Kh là thu thập chứng cứ không đầy đủ;

Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải quyết các mâu thuẫn về nguồn gốc đất:

Quá trình khởi kiện ông Ngh đã trình bày nguồn gốc đất do cha ông để lại. Ông Trần Văn S là con của cụ Trần Văn Th5 là anh trai của cụ Kh đã trình bày: Nguồn gốc đất là cụ Trần Văn Xuân bố của cụ Kh, (BL 80).

-Tại Biên bản hòa giải ngày 12/5/2016 của UBND xã Hương M (BL 09, 10), cán bộ địa chính xã Hương M đã nêu: “Nguồn gốc thửa đất của ông Trần Văn Kh và bà Ngô Thị D được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSDĐ ổn định có thu tiền sử dụng đất và được cấp năm 1999”.

Tại Đơn xin cấp Giấy chứng nhận QSDĐ của cụ Kh do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V cung cấp cũng đã nêu: Nguồn gốc đất được giao...

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét nguồn gốc đất là chưa đánh giá đầy đủ khi giải quyết vụ án.

- Trong hồ sơ vụ án chỉ có Quyết định định giá tài sản và Biên bản định giá tài sản (BL 75, 84,85) mà không có Quyết định định thẩm định tài sản và Biên bản thẩm định tài sản. Nhưng kèm theo bản án lại là Sơ đồ đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V thực hiện, (BL 157). Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào sơ đồ đất tranh chấp này để làm căn cứ giải quyết vụ án khi không có nguồn gốc xuất xứ là vi phạm Điều 101 BLTTDS.

Ngoài ra tại phần nhận định của bản án đã ghi: 05 người được hưởng thừa kế và mỗi người được hưởng 127,44m² đất nhưng do ông Ngh không có công sức tôn tạo đất và không chung sống cùng bố mẹ nên ông Ngh được hưởng phần ít hơn. Bản án sơ thẩm đã chia cho ông Ngh 120m² đất; ông S được 517,2m² đất còn lại. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xác định rõ công sức quản lý di sản của những người quản lý di sản từ thời điểm mở thừa kế là năm 2002 (khi cụ Kh chết) đến thời điểm mở thừa kế là năm 2007 (khi cụ D chết) và từ đó đến nay là bao nhiêu? Sau khi khấu trừ công

sức quản lý di sản thì di sản của cụ Kh và cụ D còn lại để phân chia là bao nhiêu? Ký phần thừa kế của từng người là bao nhiêu? Nếu bà Ngh1, bà Th, bà Th1 đồng ý giao ký phần thừa kế của mình cho ông S thì tại phần bản án cũng cần nêu: Giao ký phần của bà Ngh1, bà Th, bà Th1 cho ông S được hưởng như thế mới rõ ràng và đầy đủ.

Với những sai sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần chấp nhận kháng cáo của ông Ngh, bà Ngh1, bà Th và ông S: Hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Các đương sự chưa phải chịu án phí DSST và không phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 BLTTDS chấp nhận kháng cáo của ông Ngh, bà Ngh1, bà Th, ông S hủy bản án án sơ thẩm đã xử. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện V giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Các đương sự chưa phải chịu án phí DSST và không phải chịu án phí DSPT.

Hoàn trả cho ông Ngh, bà Th và ông S mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V cụ thể như sau:

Hoàn trả ông Trần Văn Ngh 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 05274 ngày 17/01/2019;

Hoàn trả bà Trần Thị Th 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 05282 ngày 21/01/2019;

Hoàn trả ông Trần Văn S 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 05281 ngày 21/01/2019;

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền

Phần đất có diện tích 657m² thuộc thửa số 192 tờ bản đồ số 11 đã được UBND huyện V cấp Giấy CNQSD đất số Q784111 ngày 20/12/1999, trên Giấy CNQSD đất ghi rõ tên chủ sử dụng đất là “hộ ông Trần Văn Kh”. Theo lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời theo nội dung tại Đơn đề nghị của các đương sự và nội dung xác nhận của Công an xã Hương đã xác định: Tại thời điểm UBND huyện V cấp Giấy CNQSD đất đứng tên “hộ ông Trần Văn Kh” năm 1999, thì hộ gia đình cụ Trần Văn Kh gồm có 08 thành gồm có: Cụ Trần Văn Kh, cụ Ngô Thị D, bà Trần Thị Ngh1, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị Th1, ông **Trần Văn S** và 02 con của bà Ngh1 là chị Hà Thị Huyền Tr, anh Hà Văn D1.

Tại thời điểm ông Ngh có đơn khởi kiện vụ án và hiện nay, anh D1 và vợ anh D1 là chị H vẫn đang ở và sinh sống trên phần đất này. Quá trình cùng ở và cùng sử dụng thửa đất này, anh D1 và vợ là chị H là những người đã cùng với bà Ngh1, bà Th, ông S có công sức đóng góp làm tăng giá trị quyền sử dụng đất. Theo hướng dẫn tại Điều 3 Mục III của Công văn số: 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của TAND tối cao “Khi giải quyết vụ án dân sự mà cần xác định thành viên của hộ gia đình có quyền sử dụng đất cần lưu ý: Thời điểm để xác định hộ gia đình có bao nhiêu thành viên có quyền sử dụng đất là thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất. Việc xác định ai là thành viên hộ gia đình phải căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi giải quyết vụ án dân sự, ngoài những người là thành viên hộ gia đình có quyền sử dụng đất, Tòa án phải đưa người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất của hộ gia đình, người có công sức đóng góp làm tăng giá trị quyền sử dụng đất hoặc tài sản trên đất tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”.

